

Số: 11.../BC-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2013

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2
Năm 2012**

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: F.T.PHARMA
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0302408317
- Vốn điều lệ: 46.500.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 46.500.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 10 Công trường Quốc tế - Phường 6 - Quận 3 - Tp. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: 08.38230512
- Số fax: 08.38295221
- Website: www.ft-pharma.com
- Mã cổ phiếu (nếu có):

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển:

+ Ngày 13/9/1976 Xí nghiệp Dược phẩm 3/2 (EFTIPHAR) được thành lập trên cơ sở sáp nhập một số viện bào chế tại Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Ngày 28/6/2001 Xí nghiệp Dược phẩm 3/2 chuyển thành Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2 (F.T.PHARMA) theo Quyết định số 789/QĐ-TTg ngày 28/6/2001 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Ngày 24/9/2001 Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2 chính thức hoạt động với loại hình Công ty cổ phần sau khi được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000613 với vốn điều lệ là 15,5 tỷ đồng.

- Các sự kiện khác:

+ Ngày 15/9/2005 được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đồng ý cho phát hành thêm 1.550.000 cổ phần để tăng vốn điều lệ từ 15,5 tỷ đồng lên 31 tỷ đồng.

+ Ngày 07/8/2006 Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2 đạt tiêu chuẩn GMP - WHO, GSP, GLP.

+ Ngày 24/11/2008 được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đồng ý cho phát hành 1.550.000 cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1 để tăng vốn điều lệ từ 31 tỷ đồng lên 46,5 tỷ đồng.

+ Từ năm 2006 - 2012: Liên tục 7 năm liên đạt danh hiệu hàng Việt Nam chất lượng cao do người tiêu dùng bình chọn.



- + Từ năm 2012 đến nay: Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2 đạt chứng nhận GDP.

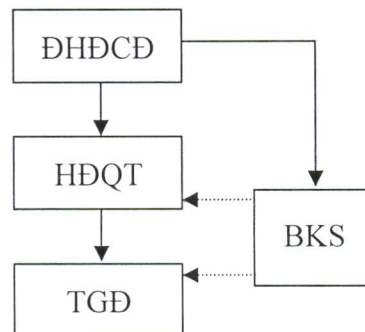
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

– Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh dược phẩm, dược liệu, các loại thực phẩm từ dược liệu và các loại sản phẩm khác thuộc ngành y tế quản lý; Sản xuất dược phẩm, dược liệu và các loại sản phẩm khác thuộc ngành y tế quản lý.

- Địa bàn kinh doanh: Thành phố Hồ Chí Minh và Tây Nam bộ.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị:



– Cơ cấu bộ máy quản lý: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các phòng Nghiệp vụ và phân xưởng sản xuất.

- Các công ty con, công ty liên kết: Không.

5. Định hướng phát triển

– Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Phát huy và sử dụng vốn có hiệu quả để sản xuất kinh doanh dược phẩm, dược liệu, trang thiết bị, vật tư y tế và kinh doanh đa ngành nghề theo quỹ định của pháp luật nhằm đạt hiệu quả tối đa, tạo việc làm ổn định cho người lao động, tăng cổ tức trả cho cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

+ Hoàn thiện và ổn định sản xuất, đảm bảo luôn đạt tiêu chuẩn GMP-WHO, GLP và GSP

+ Đa dạng hóa hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm giảm thiểu rủi ro, phát huy tiềm năng ưu thế hiện có của công ty để hạn chế việc lệ thuộc vào một sản phẩm, một ngành hàng.

+ Phát huy các mối quan hệ liên kết trong lĩnh vực gia công, hợp tác sản xuất, xuất khẩu.

+ Tập trung khai thác các bất động sản hiện có một cách hiệu quả, thông qua việc hợp tác kinh doanh đầu tư xây dựng cao ốc văn phòng, kho bãi.

+ Phát triển nguồn nhân lực thông qua đào tạo tại chỗ cử đi đào tạo các lớp nghiệp vụ nhằm tạo nên đội ngũ nhân viên kế thừa hoàn thành nhiệm vụ được giao.

+ Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty: Thân thiện và bảo vệ môi trường, tăng cường công tác xã hội thực hiện chăm lo cho dân nghèo và luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm đối với cộng đồng.

6. *Các rủi ro:* Bất ổn của nền kinh tế và quy định của ngành y tế trong công tác đấu thầu thuốc và khám chữa bệnh theo diện Bảo hiểm y tế có sự tác động mạnh mẽ đối với doanh nghiệp hoạt động trong ngành dược.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Các chỉ tiêu	Kế hoạch 2012	Thực hiện 2012	Thực hiện 2011	So sánh thực hiện 2012 với	
				KH 2012	TH 2011
	1	2	3	4=2/1	5=2/3
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	186.436.731.087	204.463.530.109	186.503.237.253	109,7%	109,6%
Tổng lợi nhuận trước thuế	19.473.476.999	27.836.654.486	19.063.934.834	142,9%	146%
Lợi nhuận sau thuế	14.714.132.749	20.348.355.194	14.848.711.128	138,3%	137%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.164	4.376	3.193	138,3%	137%

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ thường trú	Số CMND	Cổ phần sở hữu	
					Số lượng	Tỷ lệ
Lê Thanh Sử	Tổng Giám đốc	04/06/1951	48D Thạch Thị Thanh P.Tân Định, Q.1 TP.HCM	024043876	90.600	1,95%
Trần Thị Thanh Hương	Phó Tổng Giám đốc	08/01/1962	11 Bis Nguyễn Thị Minh Khai, P.Bến Nghé, Q.1, TP.HCM	020634776	12.000	0,26%
Nguyễn Thị Châu Oanh	Phó Tổng Giám đốc	01/08/1975	TK2/9 Bến Chương Dương, P.Cầu Kho, Q.1, TP.HCM	024333265	10.000	0,22%
Lý Thị Thanh Vân	Phó Tổng Giám đốc	09/11/1956	109 Nơ Trang Long P.11 Q.Bình Thạnh TP.HCM	020036923	18.000	0,39%
Vũ Tiến Đông	Kế toán trưởng	23/11/1976	124/28 KP3B, Tỉnh Lộ 28, P.Thạnh Lộc, Q.12, TP.HCM	025210917	0	0%
Phạm Lê Diễm Ngọc	Giám đốc Đảm bảo chất lượng	06/01/1975	82/21 Lý Chính Thắng, P.8, Q.3, TP.HCM	022777069	0	0%

- Những thay đổi trong ban điều hành: Không.

– Số lượng cán bộ, nhân viên, chính sách: Tính đến 31/12/2012 Công ty có 331 lao động (trong đó 133 nam và 198 nữ), trình độ người lao động không ngừng được cải thiện, lao động trình độ Đại học trở lên có 23 người, Đại học trung học 74 người. Trong năm, tuyển dụng mới 56 lao động và giải quyết cho 48 lao động thôi việc. Công tác tổ chức ngày càng ổn định, đảm bảo thu nhập và thực hiện tốt hơn các chế độ chính sách cho người lao động giúp người lao động an tâm làm việc và gắn bó lâu dài với công ty.

3. *Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:* Không có.

4. *Tình hình tài chính*

a) *Tình hình tài chính*

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	139.841.714.268	144.553.504.699	3,4%
Doanh thu thuần	186.503.237.253	204.463.530.109	9,6%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	18.244.563.178	27.646.944.527	51,5%
Lợi nhuận khác	849.371.656	189.709.959	- 77,7%
Lợi nhuận trước thuế	19.063.934.834	27.836.654.486	46%
Lợi nhuận sau thuế	14.848.711.128	20.348.355.194	37%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	3.193	4.376	37%

b) *Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu*

Các chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
1. <i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,81	2,05	
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	1,01	1,31	
2. <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,31	0,29	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,45	0,42	
3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	3,99	4,47	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,33	1,41	

4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,08	0,10	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,15	0,20	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,11	0,14	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,10	0,14	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: Tổng số cổ phần đang lưu hành là 4.650.000, tất cả là cổ phần phổ thông (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) và đều được chuyển nhượng tự do, không bị hạn chế chuyển nhượng.

b) Cơ cấu cổ đông:

– Theo tỷ lệ sở hữu:

+ Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% trở lên): 03 cổ đông, sở hữu 2.765.715 CP, chiếm 59,48%.

+ Cổ đông nhỏ (sở hữu dưới 5%): 227 cổ đông, sở hữu 1.884.285 CP, chiếm 40,52%.

– Theo chủ thể sở hữu:

+ Cổ đông tổ chức: 06 cổ đông, sở hữu 2.654.580 cổ phần, chiếm 57,09%.

+ Cổ đông cá nhân: 224 cổ đông, sở hữu 1.995.420 cổ phần, chiếm 42,91%.

– Theo quốc tịch:

+ Cổ đông trong nước: 230 cổ đông, sở hữu 4.650.000 cổ phần, chiếm 100%

+ Cổ đông nước ngoài: 0 cổ đông.

– Theo vốn chủ sở hữu:

+ Cổ đông Nhà nước: 01 cổ đông, sở hữu 697.500 cổ phần, chiếm 15%.

+ Cổ đông khác: 229 cổ đông, sở hữu 3.952.500 cổ phần, chiếm 85%.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

e) Các chứng khoán khác: Không.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Doanh thu và lợi nhuận năm 2012 đều tăng so với kế hoạch và cùng kỳ năm trước, doanh thu đạt trên 204 tỷ đồng tăng 9,7% so với kế hoạch và tăng 9,6% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế đạt trên 20 tỷ đồng tăng 38,3% so với kế hoạch và tăng 37% so với cùng kỳ năm trước.

Bộ phận kinh doanh đã củng cố và mở rộng hệ thống phân phối tại nhiều địa bàn trong cả nước. Ngoài ra còn đẩy mạnh công tác đấu thầu vào hệ điều trị và công tác xuất

khẩu; Ngay từ khi xây dựng bộ phận thực phẩm chức năng, công ty đã có chiến lược sản xuất các mặt hàng để mở rộng thị trường kinh doanh mặt hàng đầy tiềm năng này; Bộ phận sản xuất không ngừng trang bị máy móc hiện đại phục vụ ngày càng tốt yêu cầu sản xuất, đảm bảo đúng và duy trì đạt tiêu chuẩn GMP - WHO; những bộ phận khác thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình. Tất cả góp phần thực hiện hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch năm 2012.

2. *Tình hình tài chính*

a) *Tình hình tài sản:*

– Tiền và các khoản phải thu khác năm 2012 tăng so với năm 2011, tuy nhiên hàng tồn kho và tài sản ngắn hạn khác lại giảm. Tài sản ngắn hạn tính đến 31/12/2012 là 87.397.032.669 đồng tăng 11% so với năm 2011.

– Tài sản cố định và bất động sản đầu tư năm 2012 giảm so với năm 2011, tuy nhiên tài sản dài hạn khác lại tăng, bên cạnh đó đầu tư tài chính dài hạn không có biến động. Tài sản dài hạn tính đến 31/12/2012 là 57.156.472.030 đồng giảm 7% so với năm 2011.

– Tổng tài sản tính đến 31/12/2012 là 144.553.504.699 đồng tăng 3,4% so với năm 2011.

b) *Tình hình nợ phải trả:*

Trong năm 2012, không phát sinh nợ dài hạn, nợ ngắn hạn giảm 1,5% so với năm 2011. Tính đến 31/12/2012, nợ phải trả là 42.733.545.745 giảm 1,9% so với năm 2011.

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý*

Trong năm 2012, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã sắp xếp, bố trí lao động hợp lý phát huy năng lực cá nhân, tăng năng suất lao động. Bên cạnh đó, Công ty đã có chính sách lương thưởng hợp lý, đảm bảo cuộc sống người lao động và động viên, khuyến khích kịp thời.

Công ty áp dụng mô hình quản trị phù hợp với đặc thù của Công ty cổ phần: Đại hội đồng cổ đông là cơ quan lãnh đạo cao nhất, Hội đồng quản trị được Đại hội đồng bầu ra để thay mặt cổ đông thực hiện nhiệm vụ quản trị công ty, Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác theo quy định của Điều lệ Công ty để điều hành hoạt động của Công ty. Bên cạnh đó, Đại hội đồng cổ đông đã bầu Ban Kiểm soát để giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty, qua đó đảm bảo hoạt động của Công ty theo đúng định hướng, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ pháp luật hiện hành.

4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai*

a) *Về kinh doanh:*

– Tiếp tục đẩy mạnh phát triển thị trường thực phẩm chức năng, xem đây là thị trường tiềm năng cần khai thác hơn nữa để tăng doanh thu cho công ty.

– Duy trì và thắt chặt hơn nữa mối quan hệ với khách hàng cũ đồng thời mở rộng hệ thống mạng lưới phân phối, giao hàng trực tiếp để chủ động đáp ứng yêu cầu của người tiêu dùng và phát triển thị trường mới.

– Tiếp tục phát triển thị trường ETC xem đây là yếu tố quan trọng để làm nền tảng cho sự thâm nhập thị trường OTC và tăng hiệu quả kinh tế cho công ty.

– Đối với thị trường nước ngoài sẽ tiếp tục củng cố và phát triển hàng hóa xuất khẩu ở các thị trường trước đây như Campuchia, Myanmar và hoàn thành thủ tục xuất khẩu sang thị trường tiềm năng Châu Phi.

b) Về sản xuất:

– Bố trí dây chuyền sản xuất hợp lý, phát huy hết năng suất lao động, sử dụng hiệu quả nguyên liệu sản xuất, tránh lãng phí để tiết kiệm chi phí sản xuất.

– Quản lý, đánh giá hiệu quả công việc chuẩn xác, thực hiện đúng nội quy lao động, chính sách lương, thưởng khuyến khích tăng năng suất lao động.

– Phối hợp chặt chẽ với Phòng Kinh doanh để lên kế hoạch sản xuất kịp thời, đảm bảo đủ hàng hóa cung cấp cho khách hàng theo yêu cầu của Phòng Kinh doanh, giảm lượng hàng tồn kho.

– Trang bị thêm dây chuyền nước muối tinh khiết, sửa chữa một số khu vực của Nhà máy nhằm hoàn thiện hệ thống sản xuất.

c) Nghiên cứu phát triển:

– Nghiên cứu ra sản phẩm mới có tính đột phá, tạo ra mặt hàng chiến lược của Công ty.

– Phát triển thêm các mặt hàng thực phẩm chức năng đáp ứng nhu cầu khách hàng, tạo cơ sở cạnh tranh trong tương lai.

5. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:* Không có vấn đề cần giải trình.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty*

Trong năm 2012, hoạt động của Công ty khá tốt, các phòng ban, bộ phận có sự phối hợp nhịp nhàng với nhau, đặc biệt là bộ phận kinh doanh và sản xuất.

Bộ phận kinh doanh đã nỗ lực hết mình để đạt được doanh thu và lợi nhuận cao nhất cho Công ty. Bên cạnh đó, bộ phận sản xuất cũng đã tăng cường sản xuất, quản lý chi phí, tiết kiệm nguyên liệu trong sản xuất và có những cải tiến kỹ thuật đảm bảo đủ nguồn hàng cung cấp theo yêu cầu kinh doanh.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty*

Mặc dù nền kinh tế năm 2012 gặp rất nhiều khó khăn nhưng Ban Tổng Giám đốc đã rất nỗ lực, quyết tâm cao độ điều hành hoạt động của Công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra. Hội đồng quản trị đánh giá cao những kết quả đạt được từ hoạt động kinh doanh năm 2012 dưới sự điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

Tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được, tập trung đẩy mạnh phát triển những mặt hàng truyền thống của Công ty đồng thời nghiên cứu thêm những mặt hàng mới có sức cạnh tranh và mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Năm 2013 vẫn là một năm khó khăn nên việc xây dựng chỉ tiêu, kế hoạch phải phù hợp với tình hình thực tế của Công ty và xu thế chung hiện nay. Bên cạnh đó Hội đồng quản trị sẽ có định hướng và định hướng phát triển phù hợp với đặc thù của Công ty.

V. Quản trị công ty (Tổ chức chào bán trái phiếu ra công chúng hoặc niêm yết trái phiếu không phải là công ty đại chúng không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này).

1. Hội đồng quản trị

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ trong HĐQT	Cơ cấu của HĐQT	Cổ phần sở hữu	
				Số lượng	Tỷ lệ
1	Lê Thanh Sử	Chủ tịch	TV HĐQT điều hành (TGD)	90.600	1,95%
2	Trần Thị Thanh Hương	Thành viên	TV HĐQT điều hành (P.TGD)	12.000	0,26%
3	Nguyễn Thị Châu Oanh	Thành viên	TV HĐQT điều hành (P.TGD)	10.000	0,22%
4	Nguyễn Minh Đức	Thành viên	TV HĐQT không điều hành	35.100	0,75%
5	Anthony Nguyễn	Thành viên	TV HĐQT không điều hành	0	0%
6	Đoàn Minh Thư	Thành viên	TV HĐQT không điều hành	0	0%
7	Võ Thanh Tùng	Thành viên	TV HĐQT không điều hành	0	0%

a) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không.

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị đã tổ chức họp đủ số lượng theo quy định, đã thực hiện tốt chức năng và nhiệm vụ của mình. Hoạt động của Hội đồng quản trị bám sát nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2012 và góp phần phát triển Công ty.

Số lần họp	Ngày họp	Nội dung họp	Số lượng TV HĐQT dự họp	Kết quả họp
1	24/02/2012	Xem xét phương án vay vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Thành.	6/7	Tất cả thành phần dự họp nhất trí 100% nội dung họp
2	20/3/2012	Báo cáo tình hình SXKD tháng 1 và tháng 2/2012, chuẩn bị ĐHCĐ 2012	7/7	Tất cả thành phần dự họp nhất trí 100% nội dung họp
3	24/7/2012	Sơ kết hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm 2012 và triển khai hoạt động 6 tháng cuối năm 2012	7/7	Tất cả thành phần dự họp nhất trí 100% nội dung họp
4	11/12/2012	sơ kết hoạt động SXKD 11 tháng đầu năm 2012 và triển khai kế hoạch 2013	7/7	Tất cả thành phần dự họp nhất trí 100% nội dung họp

c) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, đóng góp ý kiến, cùng Hội đồng quản trị thực hiện tốt nhiệm vụ quản trị công ty.

d) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ trong BKS	Cổ phần sở hữu	
			Số lượng	Tỷ lệ
1	Nguyễn Trung Thiện	Trưởng ban	0	0%
2	Lưu Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	0	0%
3	Nguyễn Tấn Lộc	Thành viên	4.680	0,1%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát đã giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong việc quản trị, điều hành hoạt động kinh doanh, thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của mình và việc tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

Tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị để giám sát hoạt động đồng thời đóng góp ý kiến kịp thời để hoạt động của Công ty ngày càng hiệu quả hơn.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát: Công ty chi thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát bằng 5% lợi nhuận sau thuế.

STT	Chức vụ	Số lượng người	Số tiền thù lao (đồng/người/năm)	Tổng số tiền cả năm 2012
1	Chủ tịch HĐQT	1	120.000.000	120.000.000
2	Thành viên HĐQT	6	60.000.000	360.000.000
3	Trưởng Ban Kiểm soát	1	60.000.000	60.000.000
4	Thành viên Ban Kiểm soát	2	40.000.000	80.000.000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng,...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Thị Châu Quyên	Chị ruột Phó TGD	3.000	0,06%	12.000	0,26%	Mua cổ phiếu
2	Lê Thị Sương	Chị ruột TGD	14.400	0,31%	16.290	0,35%	Mua cổ phiếu
3	Lê Thị Sương	Chị ruột TGD	16.290	0,35%	21.290	0,46%	Mua cổ phiếu
4	Nguyễn Thị Châu Oanh	Cổ đông nội bộ	5.000	0,11%	10.000	0,22%	Mua cổ phiếu

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Không.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán của Công ty Kiểm toán DTL:

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được lập ngày 06 tháng 03 năm 2013 của Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2 (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 04 đến trang 23 kèm theo. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng những thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2 vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2 đã được kiểm toán đính kèm Báo cáo này được đăng tải trên trang website của Công ty, www.ft-pharma.com đồng thời đã được gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cá nhân có liên quan.

Xác nhận của đại diện theo pháp luật

của Công ty

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



DS. Lê Thanh Sĩ



RSM DTL Auditing
Connected for Success

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	01 - 02
Báo cáo kiểm toán	03
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2012	04 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012	09 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 23



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2 (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2 được thành lập theo Quyết định số 789/QĐ-TTg ngày 28 tháng 06 năm 2001 của Thủ Tướng Chính phủ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000613 ngày 24 tháng 09 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 0302408317 vào ngày 04 tháng 04 năm 2011.

Trụ sở và nhà máy lần lượt được đặt tại Số 10 Công trường Quốc tế, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh và Số 930 C2, Đường C, Khu Công nghiệp Cát Lái-Cụm II, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 46.500.000.000 đồng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh dược phẩm, dược liệu, các loại thực phẩm từ dược liệu và các loại sản phẩm khác thuộc ngành y tế quản lý;
- Cho thuê văn phòng, nhà ở, dịch vụ nhà đất;
- Giáo dục bậc tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, đào tạo dạy nghề;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cao ốc văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi;
- Đại lý phát hành sách báo có nội dung được phép lưu hành;
- Mua bán giấy viết, vở, bìa các tông, văn phòng phẩm và thiết bị văn phòng.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Lê Thanh Sử	Chủ tịch
Bà Trần Thị Thanh Hương	Thành viên
Ông Anthony Nguyễn	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Sử	Thành viên (miễn nhiệm từ 01/05/2012)
Ông Đoàn Minh Thư	Thành viên (bổ nhiệm từ 01/05/2012)
Ông Nguyễn Thị Châu Oanh	Thành viên
Ông Võ Thanh Tùng	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Lê Thanh Sử	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Thanh Hương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Châu Oanh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lý Thị Thanh Vân	Phó Tổng Giám đốc

3. Tình hình kinh doanh năm 2012

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2012 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty.

6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 03 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ THANH SỬ



Số: 13.201/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2**

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được lập ngày 06 tháng 03 năm 2013 của Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2 (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 04 đến trang 23 kèm theo. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh các thông tin trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2 vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2013

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

KIỂM TOÁN VIÊN



LỤC THỊ VÂN

Chứng chỉ KTV số 0172/KTV

PHẠM THỊ BÍCH HẠNH

Chứng chỉ KTV số 1505/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		87.397.032.669	78.743.406.355
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	20.123.657.944	13.893.271.311
1. Tiền	111		20.123.657.944	13.893.271.311
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130	(5.2)	34.599.867.506	28.485.032.075
1. Phải thu khách hàng	131		33.067.843.976	28.118.492.133
2. Trả trước cho người bán	132		2.328.782.200	-
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		609.082.792	876.554.185
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.405.841.462)	(510.014.243)
IV. Hàng tồn kho	140	(5.3)	31.516.515.227	34.598.691.987
1. Hàng tồn kho	141		31.516.515.227	34.598.691.987
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.156.991.992	1.766.410.982
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		874.800.100	863.290.376
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	620.511.555
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		282.191.892	282.609.051

(Phần tiếp theo trang 05)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú khác

TÀI SẢN	Ma số	I n. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		57.156.472.030	61.098.307.913
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		49.715.664.613	51.629.274.550
1. TSCĐ hữu hình	221	(5.4)	44.731.654.228	46.775.009.338
+ Nguyên giá	222		94.664.061.207	89.527.229.720
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(49.932.406.979)	(42.752.220.382)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	(5.5)	4.099.310.385	4.142.984.212
+ Nguyên giá	228		4.291.421.979	4.241.421.979
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(192.111.594)	(98.437.767)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		884.700.000	711.281.000
III. Bất động sản đầu tư	240	(5.6)	404.060.245	2.461.084.200
+ Nguyên giá	241		2.406.071.400	5.633.477.465
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		(2.002.011.155)	(3.172.393.265)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.683.000.000	3.683.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	(5.7)	3.683.000.000	3.683.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.353.747.172	3.324.949.163
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5.8)	3.343.747.172	3.314.949.163
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		10.000.000	10.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		144.553.504.699	139.841.714.268

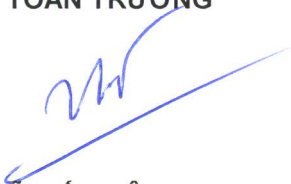
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		42.733.545.745	43.546.632.339
I. Nợ ngắn hạn	310		42.733.545.745	43.366.632.339
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(5.9)	27.679.002.697	34.897.115.560
2. Phải trả người bán	312	(5.10)	3.977.364.331	1.842.746.772
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.10)	30.000.352	47.208.874
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.11)	2.244.678.056	1.008.427.407
5. Phải trả người lao động	315	(5.12)	2.967.048.929	291.750
6. Chi phí phải trả	316		60.000.000	27.000.000
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	(5.13)	5.775.451.380	5.543.841.976
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	180.000.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	180.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		101.819.958.954	96.295.081.929
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.14)	101.819.958.954	96.295.081.929
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		46.500.000.000	46.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		24.195.000.000	24.195.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.872.162.344	4.872.162.344
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.408.041.192	2.408.041.192
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		23.844.755.418	18.319.878.393
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		144.553.504.699	139.841.714.268

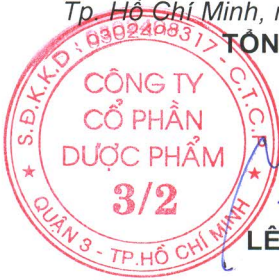
CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		65.940,80	103.202,85
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

KẾ TOÁN TRƯỞNG


VŨ TIẾN ĐÔNG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 03 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC




LÊ THANH SỬ

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		205.259.392.385	187.703.960.966
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		795.862.276	1.200.723.713
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	204.463.530.109	186.503.237.253
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	140.757.287.740	137.883.171.982
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		63.706.242.369	48.620.065.271
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		287.220.519	408.204.098
7. Chi phí tài chính	22	(6.3)	3.422.562.391	3.935.463.388
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		3.329.619.421	3.824.839.409
8. Chi phí bán hàng	24	(6.4)	22.431.743.544	19.145.647.825
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.5)	10.492.212.426	7.702.594.978
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		27.646.944.527	18.244.563.178
11. Thu nhập khác	31		418.878.579	1.387.944.101
12. Chi phí khác	32		229.168.620	568.572.445
13. Lợi nhuận khác	40		189.709.959	819.371.656
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		27.836.654.486	19.063.934.834
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.6)	7.488.299.292	4.215.223.706
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		20.348.355.194	14.848.711.128
18. Lãi cơ bản trên cổ phần	70	(5.14.4)	4.376	3.193

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 03 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG

VŨ TIẾN ĐÔNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ THANH SỬ



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		27.836.654.486	19.063.934.834
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		6.301.702.647	6.508.119.338
Các khoản dự phòng	03		895.827.219	163.205.227
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(258.715.195)	(310.535.539)
Chi phí lãi vay	06		3.329.619.421	3.824.839.409
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		38.105.088.578	29.249.563.269
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.390.151.095)	1.432.432.417
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.082.176.760	(9.317.693.699)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		4.844.337.100	(13.534.477.999)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(40.307.733)	(380.536.902)
Tiền lãi vay đã trả	13		(3.329.619.421)	(3.824.839.409)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(6.256.799.312)	(4.206.655.094)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		143.459.360	161.973.100
Tiền chi khác từ hoạt kinh doanh	16		(2.453.974.514)	(600.154.026)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		27.704.209.723	(1.020.388.343)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.157.649.623)	(3.879.219.275)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		198.224.201	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		258.715.195	310.535.539
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.700.710.227)	(3.568.683.736)

(Phần tiếp theo trang 10)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	67.146.066.894	81.993.522.618
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(74.364.179.757)	(66.381.219.739)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(12.555.000.000)	(5.062.254.545)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(19.773.112.863)	10.550.048.334
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	6.230.386.633	5.960.976.255
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	13.893.271.311	7.932.295.056
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	20.123.657.944	13.893.271.311

KẾ TOÁN TRƯỞNG

VŨ TIẾN ĐÔNG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 03 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY
CỔ PHẦN
DƯỢC PHẨM
3/2
QUẬN 3 - TP. HỒ CHÍ MINH

LÊ THANH SỬ

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác.

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2 (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Quyết định số 789/QĐ-TTg ngày 28 tháng 06 năm 2001 của Thủ Tướng Chính phủ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000613 ngày 24 tháng 09 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 0302408317 vào ngày 04 tháng 04 năm 2011.

Trụ sở và nhà máy lần lượt được đặt tại Số 10 Công trường Quốc tế, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh và Số 930 C2, Đường C, Khu Công nghiệp Cát Lái-Cụm II, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 46.500.000.000 đồng.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, kinh doanh dược phẩm.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh dược phẩm, dược liệu, các loại thực phẩm từ dược liệu và các loại sản phẩm khác thuộc ngành y tế quản lý;
- Cho thuê văn phòng, nhà ở, dịch vụ nhà đất;
- Giáo dục bậc tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, đào tạo dạy nghề;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cao ốc văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi;
- Đại lý phát hành sách báo có nội dung được phép lưu hành;
- Mua bán giấy viết, vở, bìa cạc tông, văn phòng phẩm và thiết bị văn phòng.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Chứng từ ghi sổ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác.

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác.

- Phương pháp khấu hao
- Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.
- Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50 năm
+ Máy móc thiết bị	04 - 12 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	07 - 08 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
+ Phần mềm vi tính	07 năm

4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư
- Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.
- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư
- Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.
- Thời gian khấu hao ước tính cho Nhà cửa, vật kiến trúc là từ 35 đến 50 năm.

4.7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn
- Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.8. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận cổ tức: Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.
- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: theo quyết định hàng năm của Hội đồng Quản trị.

4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác.

được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành;
- Ưu đãi, miễn giảm thuế: Theo Thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính, Công ty được áp dụng thuế suất thuế TNDN ưu đãi 20% trong 10 năm từ năm 2002 đến hết năm 2011.
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.12. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	747.176.527	1.408.683.945
Tiền gửi ngân hàng	19.376.481.417	12.484.587.366
Tổng cộng	20.123.657.944	13.893.271.311

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	33.067.843.976	28.118.492.133
Trả trước cho người bán	2.328.782.200	-
Các khoản phải thu khác	609.082.792	876.554.185
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	36.005.708.968	28.995.046.318
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.405.841.462)	(510.014.243)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	34.599.867.506	28.485.032.075

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác.

5.3. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	14.508.152.168	15.403.611.393
Công cụ, dụng cụ	73.790.809	38.558.976
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.777.990.281	3.455.396.809
Thành phẩm	13.341.118.395	14.314.015.396
Hàng hóa	815.463.574	1.387.109.413
Cộng giá gốc hàng tồn kho	31.516.515.227	34.598.691.987
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	31.516.515.227	34.598.691.987

5.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

ĐVT: ngàn đồng					
Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	33.425.494	49.121.635	4.176.933	2.803.167	89.527.229
Mua trong năm	-	960.881	1.012.846	133.923	2.107.650
Thanh lý, nhượng bán	-	(35.541)	-	(162.683)	(198.224)
Tăng khác	3.227.406	-	-	-	3.227.406
Số dư cuối năm	36.652.900	50.046.975	5.189.779	2.774.407	94.664.061
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	8.073.558	29.874.011	2.678.822	2.125.829	42.752.220
Khấu hao trong năm	817.620	4.741.726	370.316	209.859	6.139.521
Thanh lý, nhượng bán	-	(35.541)	-	(162.683)	(198.224)
Tăng khác	1.238.890	-	-	-	1.238.890
Số dư cuối năm	10.130.068	34.580.196	3.049.138	2.173.005	49.932.407
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	25.351.936	19.247.624	1.498.111	677.338	46.775.009
Tại ngày cuối năm	26.522.832	15.466.779	2.140.641	601.402	44.731.654

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay ngân hàng là 1.422.353 ngàn đồng - Xem thêm mục 5.9

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 17.791.645.408 đồng.

(Phần tiếp theo trang 16)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác.

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	3.631.604.939	609.817.040	4.241.421.979
Mua trong năm	-	50.000.000	50.000.000
Số dư cuối năm	3.631.604.939	659.817.040	4.291.421.979
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	98.437.767	98.437.767
Khấu hao trong năm	-	93.673.827	93.673.827
Số dư cuối năm	-	192.111.594	192.111.594
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	3.631.604.939	511.379.273	4.142.984.212
Tại ngày cuối năm	3.631.604.939	467.705.446	4.099.310.385

5.6. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	5.633.477.465
Chuyển sang TSCĐ	(3.227.406.065)
Số dư cuối năm	2.406.071.400
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	3.172.393.265
Khấu hao trong năm	68.507.820
Giảm khác	(1.238.889.930)
Số dư cuối năm	2.002.011.155
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	2.461.084.200
Tại ngày cuối năm	404.060.245

5.7. Đầu tư dài hạn khác

Là khoản đầu tư vào cổ phiếu các công ty sau:

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty CP Dược 2 tháng 9	12.375	68.000.000	12.375	68.000.000
Công ty CP Dược phẩm An Giang	98.333	1.605.000.000	98.333	1.605.000.000
Công ty Bất động sản Nguyễn Kim	100.000	1.000.000.000	100.000	1.000.000.000
Công ty ĐTPT Kim Long	100.000	1.000.000.000	100.000	1.000.000.000
Công ty CP Y Dược phẩm VN	100	10.000.000	100	10.000.000
Cộng	310.808	3.683.000.000	310.808	3.683.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác.

5.8 Chi phí trả trước dài hạn

Chủ yếu là chi phí trả trước tiền thuê đất tại số 10 Công trường Quốc tế, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, số tiền thuê còn lại tiếp tục được phân bổ cho các năm sau là 2.476.921.074 đồng.

5.9 Vay ngắn hạn

Là khoản vay ngân hàng với lãi suất từ 11,5% đến 12,5% mỗi năm. Khoản vay này được thế chấp bằng nhà văn phòng, nhà kho, nhà xưởng và dây chuyền sản xuất viên nang mềm tự động của Công ty. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động - Xem thêm mục 5.4.

5.10 Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	3.977.364.331	1.842.746.772
Người mua trả tiền trước	30.000.352	47.208.874
Tổng cộng	4.007.364.683	1.889.955.646

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

5.11 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	57.383.623	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.175.701.958	944.201.978
Thuế thu nhập cá nhân	11.592.475	64.225.429
Tổng cộng	2.244.678.056	1.008.427.407

5.12 Phải trả người lao động

Là khoản thưởng năm 2012 còn phải trả cho người lao động.

5.13 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản thừa chờ xử lý	503.382.287	20,815,882
Tiền thuê đất tại số 10 Công trường Quốc tế, Quận 3	5.227.503.000	5.227.503.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	44.566.093	295.523.094
Tổng cộng	5.775.451.380	5.543.841.976

(Phần tiếp theo trang 18)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác.

5.14 Vốn chủ sở hữu

5.14.1 Biến động của Vốn chủ sở hữu

	ĐVT: ngàn đồng					
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	46.500.000	24.195.000	4.164.514	2.408.041	10.433.195	87.700.750
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	14.848.711	14.848.711
Thù lao HĐQT và BKS					(877.255)	(877.255)
Trích khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.191.276)	(851.605)
Trích lập quỹ	-	-	707.648	-	(707.648)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(4.185.848)	(4.525.519)
Số dư đầu năm nay	46.500.000	24.195.000	4.872.162	2.408.041	18.319.879	96.295.082
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	20.348.355	20.348.355
Thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	-	(757.981)	(757.981)
Trích khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.510.497)	(1.510.497)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức					(12.555.000)	(12.555.000)
Số dư cuối năm nay	46.500.000	24.195.000	4.872.162	2.408.041	23.844.756	101.819.959

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, Vốn điều lệ đã được góp đủ.

5.14.2 Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của Nhà nước (15%)	6.975.000.000	6.975.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác (85%)	39.525.000.000	39.525.000.000
Tổng cộng	46.500.000.000	46.500.000.000

5.14.3 Cổ phần

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	4.650.000	4.650.000
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	4.650.000	4.650.000
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	4.650.000	4.650.000
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

5.14.4 Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lãi sau thuế của Công ty	20.348.355.194	14.848.711.128
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	4.650.000	4.650.000
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	4.376	3.193

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác.

5.14.5 Phân phối lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	18.319.878.393	10.433.194.837
Lợi nhuận sau thuế trong năm	20.348.355.194	14.848.711.128
Trả thù lao HĐQT và BKS	(757.981.011)	(877.254.545)
Trích khen thưởng, phúc lợi	(1.510.497.158)	(851.605.367)
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	(707.648.250)
Chia cổ tức	(12.555.000.000)	(4.525.519.410)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	23.844.755.418	18.319.878.393

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	191.850.081.485	161.737.853.412
Doanh thu bán hàng hóa	9.187.643.385	20.401.953.972
Doanh thu bán nguyên vật liệu	1.709.806.863	2.043.633.009
Doanh thu khác	2.511.860.652	3.520.520.573
Hàng bán bị trả lại	(795.862.276)	(1.200.723.713)
Doanh thu thuần	204.463.530.109	186.503.237.253

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	128.990.459.814	114.518.530.179
Giá vốn của hàng hóa đã bán	9.174.701.277	19.660.588.746
Giá vốn bán hàng nguyên vật liệu	1.831.213.902	2.061.810.317
Giá vốn khác	760.912.747	1.642.242.740
Tổng cộng	140.757.287.740	137.883.171.982

6.3. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi vay	3.329.619.421	3.824.839.409
Chênh lệch tỷ giá	92.942.970	110.623.979
Tổng cộng	3.422.562.391	3.935.463.388

6.4. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	7.494.154.565	6.611.054.362
Chi phí vật liệu, đồ dùng	190.732.509	160.957.587
Chi phí khấu hao tài sản cố định	384.916.092	294.423.616
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.744.017.815	1.502.382.800
Chi phí khác bằng tiền khác	11.617.922.563	10.576.829.460
Tổng cộng	22.431.743.544	19.145.647.825

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác.

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	4.249.508.101	3.516.512.535
Chi phí vật liệu, đồ dùng	622.250.384	167.515.253
Chi phí khấu hao tài sản cố định	323.860.795	279.715.799
Chi phí dịch vụ mua ngoài	887.763.464	596.082.074
Chi phí khác bằng tiền khác	4.408.829.682	3.142.769.317
Tổng cộng	10.492.212.426	7.702.594.978

6.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	27.836.654.486	19.063.934.834
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	2.279.198.684	1.687.431.240
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(162.656.000)	(144.817.000)
Trừ thu nhập khác (chịu thuế suất 25%)	(1.750.947.905)	(1.878.277.833)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	28.202.249.265	18.728.271.241
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	25%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	7.050.562.316	3.745.654.248
Thuế TNDN từ thu nhập khác (chịu thuế suất 25%)	437.736.976	469.569.458
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm	7.488.299.292	4.215.223.706

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế và thu nhập không chịu thuế như: chi phí không có hoá đơn, chứng từ, cổ tức được chia....

6.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	89.655.294.517	97.098.961.188
Chi phí nhân công	30.903.928.198	17.234.853.761
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.233.194.695	6.424.298.447
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.351.367.963	5.666.985.690
Chi phí khác bằng tiền	25.836.366.405	20.646.415.686
Tổng cộng	159.980.151.778	147.071.514.772

7. Thông tin về bên có liên quan

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các thành viên chủ chốt trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	576.000.000	675.200.000
Lương Tổng Giám đốc	432.000.000	455.360.000
Lương các nhân viên chủ chốt khác	1.155.015.385	1.454.400.000
Tổng cộng	2.163.015.385	2.585.251.750

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác.

8. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn
Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.
Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).
- Các chính sách kế toán chủ yếu
Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.12.
- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	01/01/2012
Tài sản tài chính		
Tiền	20.123.657.944	13.893.271.311
Phải thu khách hàng và phải thu khác	32.271.085.306	28.485.032.075
Tổng cộng	56.077.743.250	42.378.303.386
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	27.679.002.697	34.897.115.560
Phải trả người bán và phải trả khác	9.752.815.711	7.386.588.748
Chi phí phải trả	60.000.000	27.000.000
Tổng cộng	37.491.818.408	42.310.704.308

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính
Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.
- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2012	01/01/2012	31/12/2012	01/01/2012
Đô la Mỹ (USD)	-	-	90.415,54	103.202,85
Euro (EUR)	20,00	-	-	-

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lớn về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro về lãi suất từ các khoản vay này khi có sự biến động về lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả người bán và phải trả khác	9.752.815.711	-	9.752.815.711
Chi phí phải trả	60.000.000	-	27.000.000
Các khoản vay	27.679.002.697	-	27.679.002.697
01/01/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả người bán và phải trả khác	7.386.588.748		7.386.588.748
Chi phí phải trả	27.000.000		27.000.000
Các khoản vay	34.897.115.560		34.897.115.560

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	32.271.085.306	-	32.271.085.306
01/01/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	28.485.032.075	-	28.485.032.075

9. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 06 tháng 03 năm 2013.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 03 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG



VŨ TIẾN ĐÔNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ THANH SỬ